

Số: 2871/QĐ-YDHP

Hải Phòng, ngày 30 tháng 12 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Chương trình đào tạo trình độ chuyên khoa cấp II
chuyên ngành Tâm thần

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG

Căn cứ quyết định số 06/1999/QĐ-TTg ngày 25/01/1999 của Thủ tướng chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Y Hải Phòng;

Căn cứ quyết định số 2153/QĐ-TTg ngày 11 tháng 11 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc đổi tên Trường Đại học Y Hải Phòng thành Trường Đại học Y Dược Hải Phòng;

Căn cứ quyết định số 1637/BYT-QĐ ngày 25/05/2001 của Bộ Y tế về việc ban hành Quy chế đào tạo chuyên khoa cấp II sau đại học;

Căn cứ quyết định số 1130/BYT-QĐ ngày 5/10/2020 của trường Đại học Y Dược Hải Phòng về việc ban hành Quy chế đào tạo chuyên khoa cấp II sau đại học;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ Trưởng Bộ Giáo dục & Đào tạo Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ quyết định số 1359/QĐ-YDHP ngày 15/10/2021 của Trường Đại học Y Dược Hải Phòng về việc quy định xây dựng, phát triển, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo của Trường Đại học Y Dược Hải Phòng;

Căn cứ Nghị quyết số 45/NQ-HĐT- YDHP ngày 20/4/2022 của Hội đồng trường Trường Đại học Y Dược Hải Phòng về việc thông qua Báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết quý I năm 2022 của Trường Đại học Y Dược Hải Phòng;

Căn cứ kế hoạch số 283/KH-YDHP ngày 19/10/2021 của Trường Đại học Y Dược Hải Phòng về việc cải tiến chất lượng nửa chu kỳ còn lại trong chu kỳ kiểm định cơ sở giáo dục 2018-2023.

Theo đề nghị của ông/bà trưởng phòng Quản lý đào tạo Sau đại học, trưởng Bộ môn Tâm thần, khoa Y.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình đào tạo trình độ Chuyên khoa cấp II, chuyên ngành Tâm thần, Mã số: CK 62 72 22 45.

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3: Các Ông/Bà trưởng khoa, bộ môn, trưởng phòng, ban, đơn vị liên quan căn cứ quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Bộ GD&ĐT; Bộ Y tế (đề b/c);
- Lưu QLĐTSDH; VT.

HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG
ĐẠI HỌC
Y DƯỢC
HẢI PHÒNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG
PGS. TS. Phạm Văn Linh

BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG



CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO BÁC SĨ CHUYÊN KHOA II
CHUYÊN NGÀNH TÂM THẦN

*(Ban hành kèm theo Quyết định số:/QĐ-YDHP ngày tháng năm 20...
của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược Hải Phòng)*

Hải Phòng, tháng năm 2022

I. THÔNG TIN CHUNG

| | |
|---------------------------|---------------------------------|
| Tên chương trình đào tạo: | TÂM THẦN HỌC |
| Trình độ đào tạo: | BÁC SĨ CHUYÊN KHOA 2 |
| Khối ngành: | Y học |
| Ngành đào tạo: | Tâm thần |
| Mã ngành: | 60 72 22 CK |
| Hệ đào tạo: | Chính quy |
| Hình thức đào tạo | Tập trung |
| Thời gian đào tạo: | 24 tháng |
| Tên văn bằng tốt nghiệp: | Bác sĩ chuyên khoa cấp 2 |
| Đơn vị đào tạo, cấp bằng: | Trường Đại học Y Dược Hải Phòng |
| Ngôn ngữ đào tạo: | Tiếng Việt |
| Đối tượng áp dụng: | Bác sĩ chuyên khoa cấp 2 |
| Thời gian áp dụng: | Từ 2022 |

II. MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Mục tiêu của chương trình đào tạo chuyên khoa cấp II chuyên ngành Tâm thần được xây dựng phù hợp với Tầm nhìn – Sứ mạng – Triết lý giáo dục của Trường Đại học Y Dược Hải Phòng; Nhằm đáp ứng các nhu cầu xã hội về chăm sóc sức khoẻ nhân dân.

1. Sứ mạng – Tầm nhìn – Triết lý giáo dục của Trường

Sứ mạng: Đào tạo nguồn nhân lực y tế chất lượng; là trung tâm nghiên cứu khoa học chuyển giao công nghệ; cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khoẻ và phát triển y dược biển đảo.

Tầm nhìn: Xây dựng trường Đại học Y Dược Hải Phòng phát triển thành đại học tự chủ khối ngành sức khoẻ có chất lượng, uy tín định hướng ứng dụng (tới năm 2025); đạt chuẩn khu vực (tới năm 2030) và hội nhập quốc tế.

Triết lý giáo dục: Lấy người học làm trung tâm – Lấy người bệnh làm trung tâm – Vì sức khoẻ cộng đồng.

2. Mục tiêu chương trình đào tạo (Program Objectives: POs)

PO1: Trang bị cho học viên có đủ kiến thức cơ bản, cập nhật, hiện đại nhất về lĩnh vực tâm thần, có kỹ năng cao về thực hành lâm sàng.

PO2. Thực hiện được các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học, có khả năng làm việc độc lập và giải quyết những vấn đề thuộc ngành Tâm thần.

PO3. Có khả năng tự học vươn lên trở thành các chuyên gia y tế thực hành trong chuyên ngành tâm thần.

PO4. Hành nghề chuyên nghiệp, tuân thủ các quy định, luật pháp và y đức.

III. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

3.1. Chuẩn đầu ra của CTĐT (Program Learning Outcomes: PLOs)

PLO1. Áp dụng được các kiến thức về y học cơ sở và chuyên ngành trong chẩn đoán, xử trí, tiên lượng và phòng bệnh các bệnh Tâm thần.

PLO2. Thực hiện và hướng dẫn thực hiện các công trình nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực sức khỏe tâm thần.

PLO3. Áp dụng được chính sách, pháp luật về công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Tâm thần cho nhân dân

PLO4. Nhận thức được vị trí, vai trò của bác sĩ chuyên khoa cấp II chuyên ngành Tâm thần trong hoạt động chuyên môn, đào tạo và nghiên cứu khoa học.

PLO5. Tận tụy với sự nghiệp chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khoẻ nhân dân, tôn trọng, cảm thông, chia sẻ và hết lòng phục vụ người bệnh.

PLO6. Tôn trọng và chân thành hợp tác với đồng nghiệp, giữ gìn và phát huy truyền thống tốt đẹp của ngành.

PLO7. Tuân thủ luật pháp, thực hiện đúng, đầy đủ nghĩa vụ, những yêu cầu nghề nghiệp.

PLO8. Trung thực, khách quan, có tinh thần nghiên cứu khoa học và ý thức học tập phát triển nghề nghiệp suốt đời.

PLO9. Thực hiện thành thạo chẩn đoán, xử trí, tiên lượng và dự phòng các bệnh Tâm thần.

PLO10. Chỉ định và phân tích thành thạo các xét nghiệm phục vụ chẩn đoán và điều trị các bệnh Tâm thần.

PLO11. Thực hiện thành thạo các thủ thuật thông thường và một số thủ thuật chuyên sâu.

PLO12. Sử dụng thành thạo một số thiết bị y tế trong chẩn đoán và điều trị các bệnh Tâm thần.

PLO13. Quản lý nguồn lực y tế tại các cơ sở y tế.

PLO14. Giáo dục sức khỏe cho cộng đồng nhằm xây dựng lối sống và hành vi có lợi cho sức khỏe Tâm thần.

3.2. Sự phù hợp với mục tiêu của CTĐT

(Phân tích sự phù hợp, nhất quán của Chuẩn đầu ra với Mục tiêu của CTĐT)

3.3. Ma trận Mục tiêu – Chuẩn đầu ra của CTĐT

| Mục tiêu của CTĐT (POs) | Chuẩn đầu ra của CTĐT | | | | | | | | | | | | | |
|-------------------------|-----------------------|-------|-------|-------|-------|-------|-------|-------|-------|--------|--------|--------|--------|--------|
| | PL O1 | PL O2 | PL O3 | PL O4 | PL O5 | PL O6 | PL O7 | PL O8 | PL O9 | PL O10 | PL O11 | PL O12 | PL O13 | PL O14 |
| PO1 | x | x | x | x | | | | | x | x | x | x | x | x |
| PO2 | x | x | | | | | | x | x | x | x | x | x | x |
| PO3 | | | | | | | | x | | | | | | |
| PO4 | | | | | x | x | x | x | x | x | x | x | x | |

3.4. Sự phù hợp với Khung trình độ quốc gia Việt Nam và chuẩn năng lực ngành

Khung trình độ quốc gia Việt Nam (VQF) (Phụ lục ...)* (bắt buộc có)

Sự phù hợp với khung trình độ quốc gia Việt Nam

| Chuẩn đầu ra của CTĐT | Khung trình độ quốc gia Việt Nam (Phụ lục 1) |
|-----------------------|--|
| PLO1 | KT1, KT2 |
| PLO2 | KT2 |
| PLO3 | KT3 |
| PLO4 | KN1, KN2 |
| PLO5 | KN1, KN2 |
| PLO6 | KN2 |
| PLO7 | TC1 |
| PLO8 | TC2 |
| PLO9 | TC1, TC2 |
| PLO10 | TC2, TC3 |
| PLO11 | TC1, TC2, TC3 |

| | |
|-------|----------|
| PLO12 | TC2 |
| PLO13 | TC4 |
| PLO14 | TC2, TC3 |

IV. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

4.1. Khối lượng kiến thức toàn khóa

| TT | Khối kiến thức | Tổng số tín chỉ | Tỷ lệ | Tổng số tiết | Phân bố tín chỉ/tiết học | |
|----|-----------------------------|-----------------|-------------|--------------|--------------------------|-----------------|
| | | | | | LT | TH/ LS |
| 1. | Phần kiến thức chung | 9 | | 210 | 4/60 | 5/150 |
| 2. | Phần kiến thức cơ sở | 9 | | 270 | 4/60 | 5/210 |
| 3. | Phần kiến thức chuyên ngành | 30 | | 1050 | 10/150 | 20/900 |
| 4. | Phần kiến thức tự chọn | 12 | | 360 | 6/90 | 6/270 |
| 5. | Thi tốt nghiệp | 2 | | 60 | 1/15 | 1/45 |
| 6. | Luận văn | 6 | | 270 | 0 | 6/270 |
| | TỔNG | 68 | 100% | 2220 | 25/375 | 42/ 1845 |

4.2. Khung chương trình đào tạo

| TT | Mã số | Tên học phần/môn học | Tổng số TC | Tổng số tiết | Phân bố tín chỉ/ tiết học | |
|------------------------------------|-------|---------------------------------|------------|--------------|---------------------------|---------------|
| | | | | | LT | TH |
| PHẦN KIẾN THỨC CHUNG | | | 9 | 210 | 4/60 | 5/150 |
| 1. | | Thống kê y sinh | 3 | 75 | 1/15 | 2/60 |
| 2. | | Ngoại ngữ chuyên ngành | 2 | 45 | 1/15 | 1/30 |
| 3. | | Phương pháp nghiên cứu khoa học | 2 | 45 | 1/15 | 1/30 |
| 4. | | Phương pháp giảng dạy | 2 | 45 | 1/15 | 1/30 |
| PHẦN KIẾN THỨC CƠ SỞ | | | 9 | 270 | 4/60 | 5/210 |
| 5. | | Dược lý trong tâm thần học | 3 | 60 | 2/30 | 1/30 |
| 6. | | Hồi sức cấp cứu nội khoa cơ bản | 3 | 105 | 1/15 | 2/90 |
| 7. | | Thần kinh | 3 | 105 | 1/15 | 2/90 |
| PHẦN KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH | | | 30 | 1050 | 10/150 | 20/900 |
| 8. | | Các bệnh loạn thần nội sinh | 9 | 315 | 3/45 | 6/270 |

| | | | | | | |
|---|--|--|-----------|-------------|---------------|-----------------|
| 9. | | Các rối loạn liên quan đến stress | 3 | 105 | 1/15 | 2/90 |
| 10. | | Loạn tâm thần thực tồn | 3 | 105 | 1/15 | 2/90 |
| 11. | | Các rối loạn tâm thần, hành vi do sử dụng chất tác động tâm thần | 6 | 210 | 2/30 | 4/180 |
| 12. | | Điều trị và phòng bệnh | 9 | 315 | 3/45 | 6/270 |
| PHẦN KIẾN THỨC TỰ CHỌN (Chọn 3 trong 5 môn) | | | 12 | 180 | 6/90 | 6/270 |
| 13. | | Y học gia đình | 4 | 60 | 2/30 | 2/90 |
| 14. | | Phục hồi chức năng tâm thần | 4 | 60 | 2/30 | 2/90 |
| 15. | | Tâm thần học Nhi | 4 | 60 | 2/30 | 2/90 |
| 16. | | Tâm thần học Người già | 4 | 60 | 2/30 | 2/90 |
| 17. | | Giám định pháp y tâm thần | 4 | 60 | 2/30 | 2/90 |
| THI TỐT NGHIỆP | | | 2 | 60 | 1/15 | 1/45 |
| LUẬN VĂN | | | 6 | 270 | 0 | 6/270 |
| TỔNG | | | 68 | 2220 | 25/375 | 43/ 1845 |

4.3. Ma trận Học phần và Chuẩn đầu ra của CTĐT

(Phải thể hiện mức độ đóng góp của mỗi học phần đối với Chuẩn đầu ra của CTĐT).

| Mục tiêu của CTĐT (POs) | Chuẩn đầu ra của CTĐT | | | | | | | | | | | | | |
|---------------------------------|-----------------------|-------|-------|-------|-------|-------|-------|-------|-------|--------|--------|--------|--------|--------|
| | PL O1 | PL O2 | PL O3 | PL O4 | PL O5 | PL O6 | PL O7 | PL O8 | PL O9 | PL O10 | PL O11 | PL O12 | PL O13 | PL O14 |
| Thống kê y sinh | | x | | x | | | | x | | | | | | |
| Ngoại ngữ chuyên ngành | x | | | | | | x | | | | | | | |
| Phương pháp nghiên cứu khoa học | | | | | | | | x | | | | | | |
| Phương pháp giảng dạy | | | | X | | | | X | | | | | | |
| Dược lý trong tâm thần học | x | | | | | | x | x | x | | | | | |

| | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|--|---|--|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| Hồi sức cấp cứu nội khoa cơ bản | x | | | x | | | x | x | | | | | | |
| Thần kinh | x | | | | | | x | | x | | | | | |
| Các bệnh loạn thần nội sinh | x | | | | | | | | x | x | x | x | | X |
| Các rối loạn liên quan đến stress | x | | | | | | | | x | x | x | x | x | x |
| Loạn tâm thần thực tồn | x | | | | | | | | x | x | x | x | x | x |
| Các rối loạn tâm thần hành vi do sử dụng chất tác động tâm thần | x | | | | | | | x | x | x | x | x | x | x |
| Điều trị và phòng bệnh | x | | | | | | | | x | x | x | x | x | x |
| Giám định pháp y tâm thần | | | | | | x | | x | x | x | | | x | |
| Y học gia đình | x | | | | | x | | | x | | | | | x |
| Tâm thần học Nhi | x | | | | | | | | x | x | x | x | | x |
| Tâm thần học người già | x | | | | | | | | x | x | x | x | | x |
| Phục hồi chức năng tâm thần | x | X | | | | | | | x | x | x | x | | |

4.4. Mô tả các học phần

4.4.1. Thống kê y sinh

Thống kê y sinh là một môn khoa học ứng dụng. Ứng dụng của nó có thể từ sinh học phân tử, sinh lý học, giải phẫu, tế bào học đến nghiên cứu lâm sàng và sức khoẻ cộng đồng và từ đó cung cấp bằng chứng cho thực hành y khoa. Thống kê do đó ngày càng đóng vai trò quan trọng trong thực hành y khoa và là phần không thể thiếu trong nghiên cứu y học. Cùng với xu hướng phát triển ngày càng phức tạp của thống kê và sự chú

trọng vào “y học dựa vào bằng chứng”, chất lượng thống kê ứng dụng trong các nghiên cứu y học ngày càng được quan tâm.

Môn học này sẽ cung cấp cho học viên những cơ sở thiết yếu để hiểu và ứng dụng thống kê trong khoa học y sinh và chăm sóc sức khỏe cộng đồng, ứng dụng các loại kiểm định thống kê khác nhau vào bộ số liệu thực. Điểm chính của môn học này là phát triển kỹ năng thống kê thực hành. Học viên sẽ được học cách phân tích số liệu bằng phần mềm Stata cũng như cách phiên giải đúng đắn những kết quả của nghiên cứu và áp dụng phương thức lý luận có khả năng giúp đưa ra quyết định trong thực hành y học.

4.4.2. Ngoại ngữ chuyên ngành

Học phần ngoại ngữ chuyên ngành cung cấp từ vựng chuyên ngành theo từng chủ đề trong thực hành nghề nghiệp, kết hợp phát triển kỹ năng giao tiếp trong các tình huống chuyên môn và các kỹ năng tra cứu, tự học.

4.4.3. Phương pháp nghiên cứu khoa học

Học phần cung cấp cho người học các kiến thức cơ bản của nghiên cứu khoa học trong y sinh; trên cơ sở đó người học có thể thực hiện được các bước xây dựng và hoàn thiện một đề cương nghiên cứu, bao gồm: lựa chọn chủ đề nghiên cứu, xác định mục tiêu, đối tượng, biến số nghiên cứu; cách viết tổng quan tài liệu, trích dẫn và quản lý tài liệu tham khảo, lựa chọn được thiết kế nghiên cứu phù hợp với vấn đề và mục tiêu nghiên cứu, lập kế hoạch nghiên cứu, viết và trình bày đề cương nghiên cứu.

4.4.4. Phương pháp giảng dạy

Giảng dạy là một nhiệm vụ tất yếu của các Thạc sĩ tại các cơ sở đào tạo Y tế như các Trường Đại học, Cao đẳng Y và các bệnh viện thực hành. Học phần “Phương pháp dạy học” đào tạo cho học viên khả năng thiết kế bài dạy học và thực hiện dạy học dựa trên năng lực Y khoa một cách hiệu quả, đáp ứng với nhu cầu xã hội.

4.4.5. Dược lý trong tâm thần học

Học phần dược lý tâm thần sẽ tập trung vào cơ chế của dược động học để chọn được phương pháp dùng thuốc thích hợp, an toàn của các thuốc an thần kinh, chống trầm cảm, điều hòa hoạt động Tâm thần, chống động kinh, thuốc gây nghiện và methadone.

Những kiến thức này góp phần giải thích các ứng dụng của thuốc trên lâm sàng, các kiến thức và đặc biệt là các kỹ năng thực hành sử dụng thuốc trên lâm sàng, hướng tới sử dụng thuốc an toàn, hiệu quả.

4.4.6. Thần kinh

Học phần thần kinh cung cấp kiến thức, kỹ năng giúp học viên có khả năng tham gia khám và điều trị một số bệnh thần kinh tại các bệnh viện chuyên khoa Tâm thần, phát hiện và xử lý ban đầu một số bệnh lý có biểu hiện cả bệnh Tâm thần và Thần kinh.

4.4.7. Hồi sức cấp cứu nội khoa cơ bản

Học phần Hồi sức cấp cứu cơ bản gồm hai phần: lý thuyết và thực hành lâm sàng. Học phần này sẽ cung cấp cho học viên kiến thức chẩn đoán và điều trị người bệnh mắc một số bệnh lý cấp cứu thường gặp, bao gồm: nguyên nhân, triệu chứng, biến chứng, phương pháp điều trị và các tác dụng không mong muốn trong điều trị bệnh. Học phần này giúp học viên rèn luyện năng lực thăm khám lâm sàng, phân tích, đánh giá và ra quyết định trong chẩn đoán và điều trị người bệnh một cách độc lập đảm bảo điều trị an toàn, hiệu quả, khoa học, vận dụng được kiến thức để tư vấn, giáo dục sức khỏe, phòng bệnh, quản lý người bệnh mắc một số bệnh lý cấp cứu thường gặp tại cộng đồng và cơ sở y tế.

4.4.8. Các rối loạn tâm thần nội sinh

Học phần các rối loạn tâm thần nội sinh trang bị cho học viên kiến thức, kỹ năng khám, phát hiện và chẩn đoán và điều trị được các bệnh tâm thần nội sinh và tổ chức quản lý, điều trị và phục hồi chức năng cho bệnh nhân mắc các bệnh tâm thần nội sinh.

4.4.9. Các rối loạn tâm thần thực tổn

Học phần các rối loạn tâm thần thực tổn trang bị cho học viên kiến thức, kỹ năng khám, phát hiện và chẩn đoán và điều trị được các rối loạn tâm thần thực tổn và tổ chức quản lý, điều trị và phục hồi chức năng cho bệnh nhân mắc các rối loạn tâm thần thực tổn.

4.4.10. Các rối loạn tâm thần, hành vi do sử dụng chất tác động tâm thần

Học phần này trang bị cho học viên kiến thức, kỹ năng khám, phát hiện và chẩn đoán và điều trị được các rối loạn tâm thần và hành vi do sử dụng chất tác động tâm thần. Học viên có khả năng tổ chức quản lý, điều trị và phục hồi chức năng cho bệnh nhân mắc các rối loạn tâm thần và hành vi do sử dụng chất tác động tâm thần.

4.4.11. Các rối loạn liên quan đến stress

Học phần các rối loạn liên quan đến stress trang bị cho học viên kiến thức, kỹ năng khám, phát hiện và chẩn đoán và điều trị được các rối loạn liên quan đến stress và tổ chức quản lý, điều trị cho bệnh nhân mắc các rối loạn liên quan đến stress.

4.4.12. Điều trị và phòng bệnh tâm thần

Học phần điều trị và phòng bệnh trang bị cho học viên kiến thức về các phương pháp điều trị bệnh tâm thần. Sau khi học xong học phần này, học viên có khả năng lựa chọn các phương pháp điều trị bệnh cho bệnh nhân, thực hành tổ chức quản lý, điều trị và phục hồi chức năng cho bệnh nhân tâm thần.

4.4.13. Giám định pháp y tâm thần

Học phần trang bị cho học viên kiến thức về giám định pháp y tâm thần. Sau khi học xong học phần này, học viên có khả năng thực hành được qui trình giám định pháp y tâm thần, tổ chức, tham gia giám định pháp y một số bệnh tâm thần thường gặp liên quan đến pháp luật.

4.4.14. Tâm thần học nhi

Học viên sau khi học xong học phần này, hiểu rõ được các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển tâm sinh lý trẻ em và đặc điểm lâm sàng một số rối loạn thường gặp ở trẻ vị thành niên.

4.4.15. Tâm thần học người già

Học viên sau khi học xong học phần này, học viên hiểu rõ được đặc điểm chung các rối loạn tâm thần người già và chẩn đoán được một số bệnh thường gặp trong tâm thần học người già.

4.4.16. Y học gia đình

Chương trình đào tạo cho các học viên nắm được những kiến thức chuyên sâu về chuyên ngành Y học gia đình tại Việt Nam. Học viên học xong môn học sẽ nâng cao một số kỹ năng lâm sàng chuyên biệt, có khả năng phân tích, vận dụng được mô hình chăm sóc sức khỏe ban đầu theo nguyên lý Y học gia đình tại tuyến cơ sở.

Đào tạo cho học viên quản lý được các bệnh mạn tính; cập nhật kiến thức về bệnh/ các vấn đề sức khỏe thường gặp và xử trí các cấp cứu thông thường tại cộng đồng.

4.4.17. Phục hồi chức năng tâm thần

Sau khi học xong học phần phục hồi chức năng tâm thần, học viên có khả năng chỉ định thành thạo các liệu pháp phục hồi chức năng cho bệnh nhân. Thực hiện được các liệu pháp phục hồi chức năng cho bệnh nhân tâm thần.

4.4.18. Học phần tốt nghiệp

Học phần tốt nghiệp là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành. Người học được củng cố ôn lại toàn bộ kiến thức của chương trình học. Các phương pháp dạy học chủ yếu là thuyết trình, tự học, dạy học dựa trên vấn đề, dạy học thông qua bài tập lớn, nghiên cứu ca lâm sàng, thảo luận nhóm. Các phương pháp dạy học chủ yếu là thuyết trình, suy nghĩ - cặp- chia sẻ, động não, thảo luận nhóm, tình huống.

V. PHƯƠNG PHÁP DẠY-HỌC

(Tổng hợp các phương pháp dạy-học được sử dụng trong các học phần của CTĐT nhằm giúp người học đạt được các Chuẩn đầu ra).

5.1. Lý thuyết

| Học phần | Phương pháp dạy học | | | |
|---------------------------------|---------------------|----------|-----------|----------|
| | Thuyết trình | Phát vấn | Thảo luận | Đóng vai |
| Thống kê y sinh | x | | | |
| Ngoại ngữ chuyên ngành | x | | x | |
| Phương pháp nghiên cứu khoa học | x | x | | |
| Phương pháp giảng dạy đại học | x | | x | |

| | | | | |
|--|---|---|---|---|
| Dược lý trong tâm thần học | x | x | x | |
| Hồi sức cấp cứu nội khoa cơ bản | x | x | x | |
| Thần kinh | X | x | x | |
| Các bệnh loạn thần nội sinh | X | x | x | x |
| Các rối loạn liên quan đến stress | X | x | x | x |
| Loạn tâm thần thực tổn | X | x | x | x |
| Các rối loạn tâm thần, hành vi do sử dụng chất tác động tâm thần | X | x | x | x |
| Điều trị và phòng bệnh | X | x | x | x |
| Giám định pháp y tâm thần | X | x | x | x |
| Y học gia đình | X | x | x | x |
| Tâm thần học Nhi | X | x | x | x |
| Tâm thần học người già | X | x | x | x |
| Phục hồi chức năng tâm thần | X | x | x | x |

5.2. Thực hành

| Học phần | Phương pháp dạy học | | | | |
|---------------------------------|--------------------------------|-----------------------|----------|-----------------------|----------|
| | GV làm mẫu, học viên thực hiện | Giảng bên giường bệnh | Đi buồng | Giao ban Bình bệnh án | Giao ban |
| Thống kê y sinh | x | | | | |
| Ngoại ngữ chuyên ngành | x | | | | |
| Phương pháp nghiên cứu khoa học | x | | | | |
| Phương pháp giảng dạy | x | | | | |
| Hồi sức cấp cứu nội khoa cơ bản | x | x | x | x | x |

| | | | | | |
|--|---|---|---|---|---|
| Thần kinh | X | X | X | X | X |
| Các bệnh loạn thần nội sinh | X | X | X | X | X |
| Các rối loạn liên quan đến stress | X | X | X | X | X |
| Loạn tâm thần thực tổn | X | X | X | X | X |
| Các rối loạn tâm thần, hành vi do sử dụng chất tác động tâm thần | X | X | X | X | X |
| Điều trị và phòng bệnh | X | X | X | X | X |
| Giám định pháp y tâm thần | X | X | X | X | X |
| Y học gia đình | X | X | X | X | X |
| Tâm thần học Nhi | X | X | X | X | X |
| Tâm thần học người già | X | X | X | X | X |
| Phục hồi chức năng tâm thần | X | X | X | X | X |

VI. PHƯƠNG PHÁP LƯỢNG GIÁ, ĐÁNH GIÁ

(Tổng hợp các phương pháp lượng giá, đánh giá được sử dụng trong các học phần của CTĐT)

6.1. Lí thuyết

| Học phần | Phương pháp lượng giá/ đánh giá | |
|---------------------------------|---------------------------------|---------|
| | Thi máy | Tự luận |
| Thống kê y sinh | X | |
| Ngoại ngữ chuyên ngành | | X |
| Phương pháp nghiên cứu khoa học | | X |
| Phương pháp giảng dạy | | X |
| Hồi sức cấp cứu nội khoa cơ bản | | X |

| | | |
|--|--|---|
| Thần kinh | | X |
| Các bệnh loạn thần nội sinh | | X |
| Các rối loạn liên quan đến stress | | X |
| Loạn tâm thần thực tổn | | X |
| Các rối loạn tâm thần, hành vi do sử dụng chất tác động tâm thần | | X |
| Điều trị và phòng bệnh | | X |
| Giám định pháp y tâm thần | | X |
| Y học gia đình | | X |
| Tâm thần học Nhi | | X |
| Tâm thần học người già | | X |
| Phục hồi chức năng tâm thần | | X |

6.2. Lâm sàng

| Học phần | Phương pháp lượng giá/ đánh giá | | |
|--|---------------------------------|---------|------------------|
| | Thi máy | Hỏi thi | Thi lâm sàng/ TH |
| Thống kê y sinh | X | | |
| Ngoại ngữ chuyên ngành | | X | |
| Phương pháp nghiên cứu khoa học | | | X |
| Phương pháp giảng dạy | | | X |
| Hội sức cấp cứu nội khoa cơ bản | | | X |
| Thần kinh | | | X |
| Các bệnh loạn thần nội sinh | | | X |
| Các rối loạn liên quan đến stress | | | X |
| Loạn tâm thần thực tổn | | | X |
| Các rối loạn tâm thần, hành vi do sử dụng chất tác động tâm thần | | | X |
| Điều trị và phòng bệnh | | | X |
| Giám định pháp y tâm thần | | | X |
| Y học gia đình | | | X |
| Tâm thần học Nhi | | | X |

| | | | |
|-----------------------------|--|--|---|
| Tâm thần học Nhi | | | X |
| Tâm thần học người già | | | X |
| Phục hồi chức năng tâm thần | | | X |

VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

(Mô tả cách thức triển khai các hoạt động dạy-học lý thuyết, thực hành, thực tập, lâm sàng, thực tế nghề nghiệp,...)

7.1 Triển khai các hoạt động

- Các môn cơ sở và hỗ trợ : do phòng Đào tạo sau đại học - Đại học Y Dược Hải Phòng, kết hợp với các Bộ môn liên quan của Nhà trường, tổ chức học và thi lấy chứng chỉ.
- Môn chuyên ngành : do Bộ môn Tâm thần quản lý, tổ chức học tập, và thi lấy các chứng chỉ chuyên ngành.

7.2. Kế hoạch sắp xếp nội dung và quỹ thời gian

Do phòng Đào tạo sau đại học và bộ môn Tâm thần sắp xếp.

7.3. Thực tập, thực hành lâm sàng

- Môn cơ sở và hỗ trợ: tại các Bộ môn liên quan.
- Môn chuyên ngành: tại Bệnh viện Tâm thần Hải Phòng.
- Các hoạt động hỗ trợ người học: cố vấn học tập, giáo vụ Sau đại học bộ môn Tâm thần
- Các hoạt động bảo đảm chất lượng và cải tiến chất lượng liên tục, ghi nhận phản hồi của người học, ...)

VIII. ĐỐI SÁNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

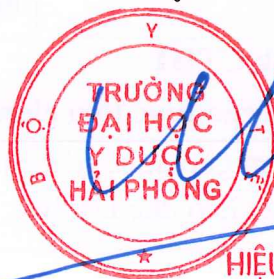
Các CTĐT, tài liệu, chuẩn quốc tế mà nhà trường tham khảo:

- Khung trình độ quốc gia Việt Nam (Quyết định 1982/QĐ-TTg, ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ) (bắt buộc).

PHỤ TRÁCH CTĐT

PHẠM VĂN MẠNH

HIỆU TRƯỞNG



HIỆU TRƯỞNG
PGS. TS. Nguyễn Văn Khải